

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2021/DS-PT

Ngày 08-12-2021

V/v “*Tranh chấp quyền sở hữu nhà
và quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Y

Ông Phạm Trí T

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Ph - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Tr - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 82/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc: Tranh đất đai, quyền sở hữu nhà ở, hủy giấy chứng nhận QSDĐ

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo, kháng nghị

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4133/2021/QĐPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Thành T, sinh năm 1962; Địa chỉ: 2770 Rosebud RD Loganville GA 30052 USA(có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Tạ Chiến Đ, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp Lý Ấn, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Hùng D, sinh năm 1946; Địa chỉ: Số 262, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Dương Như Ng, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 262, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Tạ Nguyệt Th – Luật sư Văn phòng Luật sư Tạ Nguyệt Thanh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H; Địa chỉ: Hẻm 16, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1930; Địa chỉ: Số 210A, đường Võ Thị Sáu, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ph: Ông Tạ Chiên Đ, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp Lý Án, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Ông Dương Nhựt N, sinh năm 1980 (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981 (vắng mặt).

5. Chị Dương Như Th1, sinh ngày 10/01/2006 (vắng mặt).

6. Anh Dương Phú Tr, sinh ngày 08/6/2007 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 262, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của chị Dương Như Th1, anh Dương Phú Tr: Ông Dương Nhựt N, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Số 262, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

7. Bà Dương Như Ng, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 262, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

8. Bà Dương Bội Ng1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 262, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

9. Bà Dương Hồng Ng2, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 262, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

10. Bà Trần Hồng C, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khóm 5, Phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Dương Nhựt N, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Bội Ng1, bà Trần Hồng C, bà Dương Hồng Ng2: Bà Dương Như Ng, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 262, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

11. Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Khóm 1, Phường 1, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh Tr - Phó Trưởng Phòng Tài Nguyên và Môi Trường thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

12. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Khóm 1, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

13. Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: Số 05, Nguyễn Tất Thành, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

14. Ông Dương Nhựt L, sinh năm 1974 (vắng mặt).

15. Ông Dương Nhựt M, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng Địa chỉ: 3695 Sugarbrook DR Lawrencen Ville Georla 30044 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2018; các đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/10/2018, ngày 07/5/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Dương Thành T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tạ Chiến Đ trình bày:

Ông Dương Thành T yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Hùng D giao trả cho ông các tài sản tranh chấp cụ thể như sau:

1. Diện tích đất ở 441m² tọa lạc tại Hẻm 16, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (hiện nay bà Lê Thị H đang quản lý sử dụng). Phần đất này ông D đã chuyển nhượng cho bà Hoa với giá 90.000.000 đồng nên ông T yêu cầu ông D trả bằng tiền là 90.000.000 đồng.

2. Diện tích đất 3.563,8m² (đo đạc thực tế), tọa lạc Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, trong đó bao gồm: diện tích 2.365,2m² thuộc thửa 173, tờ bản đồ 03, do Ủy ban nhân huyện Giá Rai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Hùng D đứng tên ngày 10/4/1999, 117,3m² đất nhà mồ và 1.081,3m² đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D đối với diện tích 2.365,2m² nêu trên.

3. Nhà gắn liền với đất diện tích 399,10m² đất, thuộc thửa số 75, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại số 262, Quốc lộ 1A, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D diện tích 399,10m² nêu trên.

Theo ông T, phần đất ở có diện tích 441m² tọa lạc tại Hẻm 16, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Ph (mẹ ruột của ông T và ông D) mua của bà Ngô Thị Nguyệt vào năm 1974 (bà Nguyệt hiện nay đã chết), do thời gian đã lâu nên ông T không nhớ giá mua bán bao nhiêu, không nhớ có làm giấy tờ hay không, khi mua chỉ có đất, sau đó, bà Ph cất nhà chiều ngang khoảng 05 mét, chiều dài khoảng 06 mét, nền gạch tàu, vách xây gạch lên khoảng 01 mét và

phía trên là vách lá, mái tol xi măng, khung gỗ địa Ph. Ông T sống chung với bà Ph từ nhỏ, đến năm ông T 19 tuổi, bà Ph cho ông T phần đất và nhà này, việc tặng cho chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản. Ông T ở trên đất cho đến năm 1986 thì ông T đi Mỹ, bà Ph kêu ông Dương Hùng D về ở chung. Đến năm 1996, ông T rước bà Ph sang Mỹ, khi đi, bà Ph có nói với ông D ở lại giữ đất đai, nhà cửa. Mỗi năm bà Ph đều về Việt Nam ở lại từ 03 đến 06 tháng, đến năm 2001 bà Ph về Việt Nam ở luôn. Quá trình về Việt Nam, bà Ph đều ở căn nhà này. Đến đầu năm 2002, ông T mua đất và cất nhà tại số 262, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu và rước bà Ph về ở. Đến năm 2006, ông D bán nhà đất này cho bà Nguyễn Thị Ng (mẹ bà Lê Thị H). Ông T xác định đất tranh chấp là của ông T do ông sống từ nhỏ và có hộ khẩu tại đây, chính quyền địa Ph đều xác định ông T ở phần đất này đến khi ông T đi Mỹ, chứng cứ được bà Ph tặng cho là hiện nay bà Ph vẫn thừa nhận sự việc này.

Đối với phần đất 3.563,8m² tọa lạc Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, ông T cho rằng ông T mua của bà Thanh (không nhớ họ tên đầy đủ) vào khoảng năm 1983 – 1984, hiện nay bà Thanh đã chết, do thời gian đã lâu nên ông T không nhớ giá mua bán bao nhiêu, không nhớ có làm giấy tờ hay không nhưng hiện nay có 02 người con của bà Th là Vương và R xác nhận có việc mua bán này. Ngoài chứng cứ là xác nhận của các con bà Thanh thì ông T còn nhân chứng là ông Ngô Văn V là người có sửa chữa và sơn các ngôi mộ trên đất; các ông Nguyễn Trung T và ông Huỳnh Hữu Ngh là những người sên đất đắp lên thành nền mộ và các ông Ngô Quyết Th, ông Huỳnh Công Kh là người xây các ngôi mộ (06 ngôi mộ, trừ ngôi mộ của vợ ông D thì ông T không biết ai xây). Không có sự việc ông D tự bồi đắp đất như ông D trình bày. Toàn bộ diện tích 3.563,8m² đều thuộc phần đất ông T mua của bà Th, còn việc nhà nước tách riêng thành 02 thửa là do quá trình quản lý đất đai của Nhà nước chứ không phải diện tích 117,3m² đất nhà mồ cùng với 1.081,3 m² đất chưa có giấy chứng nhận là đất ông D tự khai phá như ông D trình bày.

Đối với nhà gắn liền với diện tích đất 399,10m² thuộc thửa số 75, tờ bản đồ 23 đất tọa lạc tại số 262, Quốc lộ 1A, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu: vào năm 2002, ông T mua đất của bà Dương Thị Ph (còn sống) và ông Nguyễn Văn B (đã chết), với giá 7.000 Đô la Mỹ tương đương 70.000.000 đồng tiền Việt Nam. Khi mua đất có làm giấy tay do ông T viết với nội dung ông T mua đất của bà Ph, ông B và đã trả đủ tiền, hiện giấy tay ông T không còn giữ vì sau khi mua xong ông T đưa cho ông D để ông D làm thủ tục giấy tờ. Khi mua đất do ông T là Việt Kiều nên nhờ bà Ph đứng tên, nhưng do bà Ph lớn tuổi nên ông T và bà Ph nhờ ông D đứng tên đất. Vì vậy, hiện nay ông D đang đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo ông T, người bán đất (bà Phiến, ông Báo) biết rõ việc mua bán do họ trực tiếp nhận tiền từ ông T. Ngoài ra, trên giấy mua bán đất do ông D tự làm sau này để đủ thủ tục sang tên cho ông D không thể hiện nội dung đã giao đủ

tiền mà chỉ thể hiện việc có sang nhượng đất, vì thực tế ông D không phải là người mua đất, không phải là người trả tiền mà chỉ là người đứng tên dùm ông T. Nhân chứng biết sự việc mua đất là bà Phiến, bà Nguyễn Thị Nga (con bà Phiến), ông Nguyễn Ngọc T, bà Nguyễn Thị T, ông Ngô Minh Hi, ông T có Tờ xác nhận về nội dung mua đất này và họ có ký tên xác nhận cho ông T; bà Tỏ, ông Hiến, ông T là hàng xóm nên họ biết sự việc, ông H là người giới thiệu bà Phiến cho ông T mua đất, nhưng khi giao tiền cho ông B, bà Ph thì chỉ có ông T, bà Ph, ông B, bà Ph và bà Nguyễn Thị Ng, ông D ngoài ra không còn ai khác trực tiếp chứng kiến, T và T do là hàng xóm nên có nghe ông T kể lại sự việc.

Sau khi mua đất thì ông T cũng là người trực tiếp bỏ tiền ra để xây dựng căn nhà trên đất này, ông T bỏ toàn bộ chi phí, ông D không phải là người xây dựng nhà. Ông T bỏ ra 3.000 Đô la Mỹ để ông D đắp đất nền nhà và bỏ ra tiền xây dựng nhà là 25.000 Đô la Mỹ, do thời gian đã lâu nên ông T không còn lưu giữ bất cứ hóa đơn chứng từ gì về việc chuyển tiền, những người biết sự việc đều là con của ông D nên lời khai không khách quan nên ông T cũng không cung cấp cho Tòa án, bà Ph cũng biết ông T là người xây dựng nhà nhưng tiền bạc chuyển về cụ thể như thế nào thì bà Ph không biết. Chứng cứ về việc ông T trực tiếp đầu tư xây dựng nhà là các nhân chứng như người cháu ông T thuê thiết kế bản vẽ tên Huỳnh Hoàng Trung, người ông T thuê sửa chữa nhà là ông Ngô Văn Việt. Ngoài ra, không còn chứng cứ nào khác ngoài lời trình bày về việc ông T giao tiền về cho ông D xây dựng nhà.

- Bị đơn ông Dương Hùng D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Dương Như Ng trình bày:

Các tài sản ông Dương Thành T yêu cầu đều là của cha mẹ bà Dương Như Ng là ông Dương Hùng D và Bùi Thanh Hía tạo lập ra (bà Hía đã chết năm 2009). Đó đó, ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T. Các tài sản có nguồn gốc như sau:

1. Đối với diện tích đất ở 441m² tọa lạc tại Hẻm 16, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (hiện do bà Lê Thị H đang quản lý sử dụng) có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị Ph cho ông D và bà Hía năm 1970. Sau đó, ông D và bà Hía bán cho bà Lê Thị H vào khoảng năm 2004 - 2005.

2. Đối với diện tích đất 3.563,8m² thuộc thửa 173, tờ bản đồ 03, tọa lạc Khóm 5, Phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, trong đó bao gồm 2.365,2 m² được cấp giấy, 117,3m² đất nhà mồ và 1.081,3m² chưa cấp giấy. Theo bà Ngọc, phần đất này là của ông D tự khai phá, sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 0173, tờ bản đồ số 03 vào ngày 10/4/1999 với diện tích 2.800m². Khoảng năm 2010, Nhà nước quy hoạch mở đường vành đai Hộ Phòng đi qua đất của ông D, ông D đã hiến khoảng 400 m² đất để làm đường nhựa, phần còn lại đến ngày 26/12/2017 được cấp lại tại thửa số 191, tờ bản đồ số 04 với diện tích là 2.463,2 m² (qua đo đạc thực tế là 2.365,2 m²). Ngoài ra, có phần đất có nhà mồ qua đo đạc

thực tế là 1.198,6 m² (trong đó nhà mồ có diện tích 117,3 m² và phần đất còn lại 1.081,3 m²), phần đất này ông D đã đăng ký kê khai kê tại thửa 174, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, phần đất này ông Dương Hùng D và bà Trần Hồng C (mẹ kế của bà Như Ngọc) đang sinh sống.

3. Đối với nhà gắn liền với đất diện tích 399,10 m² thuộc thửa số 75, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại số 262, Quốc lộ 1A, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu là của ông Dương Hùng D và bà Bùi Thanh Hía mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn Báo và bà Dương Thị Phiến với giá 80.000.000 đồng vào năm 2002. Sau đó, cùng năm 2002, ông D và bà Hía cất nhà số 262, hiện nay vẫn còn nguyên hiện trạng. Nguồn tiền mua đất và cất nhà là của ông D, bà Hía bán tàu vật liệu xây dựng, dành dụm và được 02 con trai của ông D và bà Hía là Dương Nhựt L và Dương Nhựt M sinh sống ở nước Mỹ cho thêm một phần để xây dựng nhà.

Do việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D đều đúng trình tự luật định nên ông D không đồng ý yêu cầu của ông T về việc hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D.

Như vậy, toàn bộ tài sản ông T yêu cầu đều thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng hợp pháp của ông D, bà Hía, do đó, ông D không đồng ý tất cả các yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Bà là mẹ ruột của cả ông D và ông T. Bà có ý kiến về các yêu cầu của ông T như sau:

1. Đối với diện tích đất ở 441 m² tọa lạc tại Hẻm 16, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (hiện do bà Lê Thị H đang quản lý sử dụng) có nguồn gốc do bà Ph mua đất của bà 3 Hương và cất nhà ở chung với ông T. Sau đó, ông T đi Mỹ sống nên bà Ph có kêu ông D, bà Hía cùng các con ông D về ở chung. Quá trình sau khi chuyển đến nhà số 262, Quốc lộ 1A, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai ở thì bà Ph có gặp bà Nguyệt (mẹ của bà Lê Thị H), bà Nguyệt có nói ông D đã bán nhà đất cho bà Nguyệt, lúc đó bà Ph cũng không hỏi thăm giá cả và cũng không hỏi ông D về việc bán nhà này. Bà Ph xác định khi T còn ở chung với bà ở Việt Nam thì bà có hứa cho T nhà đất này, việc tặng cho chỉ nói miệng, không lập văn bản. Nay bà khẳng định đã cho T nhà đất tại diện tích 441 m², do đó, T được quyền đòi và D phải trả cho T phần đất này.

2. Đối với diện tích đất 3.563,8 m² thuộc thửa 173, tờ bản đồ 03, tọa lạc Khóm 5, Phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, là đất T mua của bà Thanh khi T còn ở Việt Nam. Khi T đi Mỹ thì đất bỏ trống, T có gửi đất lại cho bà, chỉ nói miệng, không lập thành văn bản, chính quyền địa Ph cũng không thông báo gì với bà về phần đất này, bà không biết chữ, chỉ lãn tay hoặc gạch thập nên không ký tên bất cứ văn bản nào liên quan đến phần đất này. T là người đã bỏ tiền ra thuê người đắp nền mộ, xây mộ, D không bỏ chi phí mà chỉ bỏ công đi lấy cốt ông bà đem về chôn. Nay T đòi phần đất này là đúng, yêu cầu D phải trả đất cho T.

3. Đối với nhà gắn liền với đất diện tích 399,10 m² thuộc thửa số 75, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại số 262, Quốc lộ 1A, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu: bà Ph xác định đất do ông T mua của vợ chồng ông Báo, bà Phiến, ông T trực tiếp trả 7.000 Đô la Mỹ cho ông Báo, lúc T giao tiền có mặt bà, vợ chồng Báo và ông D. Ông D chỉ đứng tên dùm. Bà Ph còn xác định bà trực tiếp chứng kiến ông T có đưa ông D 3.000 Đô la Mỹ để cất nhà, sau đó, ông T có chuyển tiền từ Mỹ về tiếp nhưng bà không biết cụ thể bao nhiêu tiền. Bà Ph cho rằng ông T mua đất, cất nhà này cho bà ở, khi nào bà chết thì nhà đất đó ông T lấy lại. Nay ông T yêu cầu ông D phải trả nhà đất này thì ông D phải trả cho ông T.

- Bà Dương Như Ng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Nhựt N, bà Nguyễn Thị M, bà Dương Bội Ng1, bà Dương Hồng Ng2, bà Trần Hồng C trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông Dương Hùng D và bà Dương Như Ng, không đồng ý giao trả nhà đất theo yêu cầu của ông T, không đồng ý hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Dương Hùng D, ngoài ra không trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu: Không có ý kiến.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu trình bày theo nội dung Công văn số 824 ngày 14/5/2019: Phần đất diện tích 2.463,2 m² tại thửa 191, tờ bản đồ 4 của ông Dương Hùng D được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/2017, khi cấp giấy có đo đạc thể hiện tại Mảnh trích đo ngày 14/12/2017. Thửa đất cũ là tại thửa 0173, tờ bản đồ 03 (Bản đồ lập năm 1995), việc cấp giấy cho ông D ngày 26/12/2017 thuộc trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Dù thời hạn sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận là đến ngày 30/11/2018 nhưng căn cứ các quy định của pháp luật về đất đai thì ông D có nhu cầu vẫn được tiếp tục sử dụng đất, nếu có nhu cầu xác nhận thời hạn sử dụng thì nộp hồ sơ xác nhận theo quy định. Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu đã cung cấp toàn bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D đối với diện tích đất này cho Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày:* Người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Bạc Liêu khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Hùng D là phù hợp quy định pháp luật đất đai, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Nhựt Linh và ông Dương Nhựt Minh:* Đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục ủy thác tư pháp theo đúng trình tự

pháp luật quy định nhưng đến nay Tòa án chưa nhận được văn bản trả lời của ông Linh và ông Minh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi tài sản đối với ông Dương Hùng D.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi ông Dương Hùng D số tiền 90.000.000 đồng giá trị chuyển nhượng 441m² đất tọa lạc tại Hẻm 16, khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi ông Dương Hùng D diện tích đất 3.563,8 m² (bao gồm 2.365,2 m² thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 04 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Hùng D ngày 26/12/2017, 117,3 m² đất nhà mồ và 1.081,3 m² đất chưa cấp giấy chứng nhận), đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi ông Dương Hùng D diện tích đất 399,10 m² tại thửa 75, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại nhà số 262, Quốc lộ 1A, khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc ông Dương Hùng D có trách nhiệm giao trả cho ông Dương Thành T số tiền 1.081.046.500 đồng.

Ông Dương Hùng D được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 399,10m² tại thửa 75, tờ bản đồ 23, đã được UBND thị xã Giá Rai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Hùng D ngày 25/01/2018.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi ông Dương Hùng D căn nhà tại số 262, Quốc lộ 1A, khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

6. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 716145 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Dương Hùng D ngày 26/12/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 210860 do Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai cấp cho ông Dương Hùng D ngày 25/01/2018.

Ngoài ra án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/12/2019 ông Dương Thanh T kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 06/12/2019 ông Dương Hùng D kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 09/12/2019 Viện trưởng VKSND tỉnh Bạc Liêu kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Tạ Chiến Đ, đại diện cho nguyên đơn là ông Dương Thành T, đồng thời là đại diện cho bà Nguyễn Thị Ph, thống nhất trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm. yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Dương Hùng D giao trả cho ông các tài sản tranh chấp cụ thể như sau:

Diện tích đất ở 441m² tọa lạc tại Hẻm 16, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (hiện nay bà Lê Thị H đang quản lý sử dụng). Phần đất và nhà này bà Nguyễn Thị Ph đã cho ông Dương Thành T, ông D đã tự ý làm giấy tờ rồi chuyển nhượng cho bà Hoa với giá 90.000.000 đồng nên ông T yêu cầu ông D trả bằng tiền là 90.000.000 đồng.

Diện tích đất 3.563,8 m² (đo đạc thực tế), tọa lạc Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, trong đó bao gồm: diện tích 2.365,2 m² thuộc thửa 173, tờ bản đồ 03, do Ủy ban nhân huyện Giá Rai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Hùng D đứng tên ngày 10/4/1999, 117,3 m² đất nhà mồ và 1.081,3 m² đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này ông T mua của bà Thanh. Sau khi đi nước ngoài thì ông D quản lý, sử dụng. Ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D đối với diện tích 2.365,2 m² nêu trên, buộc ông D phải trả lại đất.

Căn nhà gắn liền với đất diện tích 399,10 m² đất, thuộc thửa số 75, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại số 262, Quốc lộ 1A, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Ông T mua đất của bà Phiến, nhờ bà Ph đứng tên, do bà Ph lớn tuổi, nhờ ông D đứng tên. Nay ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D diện tích 399,10 m² nêu trên, buộc ông D trả lại nhà và đất.

Bà Dương Như Ng, đại diện cho bị đơn ông Dương Hùng D, đồng thời đại diện cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm. yêu cầu Tòa án sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, luật sư Tạ Nguyệt Thtrình bày:

Căn nhà 441m² tọa lạc tại Hẻm 16, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bà Nguyễn Thị Ph đã cho ông Dương Hùng D, ông D đã được cấp Giấy chứng nhận và chuyển nhượng cho bà Hoa, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Diện tích đất 3.563,8 m²: Phần đất này ông D mua của bà Thanh diện tích 2.365,2 m² (đã được cấp Giấy chứng nhận), phần còn lại ông D tự khai phá thêm. Trước đây đã được đưa vào tập đoàn sản xuất nông nghiệp, đến năm 2002 tập đoàn giải thể giao lại cho ông D. Những người làm chứng trình bày mâu thuẫn, ông T cho rằng gửi tiền mua đất nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Đối với nhà gắn liền với đất diện tích 399,10 m² thuộc thửa số 75, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại số 262, Quốc lộ 1A, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu là của ông Dương Hùng D và bà Bùi Thanh Hía mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn Báo và bà Dương Thị Phiến với giá 80.000.000 đồng vào năm 2002.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Dương Hùng D, bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về hình thức: đơn kháng cáo của ông Dương Thành T, ông Dương Hùng D, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Thay đổi một phần kháng nghị. Cụ thể:

Đối với phần Diện tích đất ở 441 m² tọa lạc tại Hẻm 16, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu (hiện nay bà Lê Thị H đang quản lý sử dụng). Cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu là có cơ sở.

Đối với phần Diện tích đất 3.563,8 m² (đo đạc thực tế), tọa lạc Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định ông Dương Hùng D là người quản lý, sử dụng ổn định lâu dài từ năm 1986, ông D đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T đi nước ngoài, không sử dụng đất. Vì vậy yêu cầu của ông T là không có cơ sở. Cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu là có cơ sở.

Đối với căn nhà gắn liền với đất diện tích 399,10 m² đất, thuộc thửa số 75, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại số 262, Quốc lộ 1A, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D diện tích 399,10 m² nêu trên. Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/7/2019 (BL421) ông Huỳnh Hoàng Trung xác nhận ông là người được ông T thuê thiết kế nhà, tại bản tự khai ngày 08/5/2018 của ông T có người làm chứng là ông Ngô Văn Việt xác nhận ông Việt là người được ông T thuê và trả tiền nâng nền, sửa chữa nhà số 262 vào năm 2016. Ông D cũng thừa nhận nguồn tiền xây dựng nhà có một phần của ông T. Nên có chứng cứ chứng minh ông T là người có công sức tu bổ, sửa chữa

căn nhà này. Do số tiền ông T bỏ ra cụ thể không xác định được. Cần buộc ông D trả $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà.

Đề nghị Đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị, kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu có đơn xin xét xử vắng mặt; Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hình thức: ông Dương Thành T, ông Dương Hùng D, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1]. Đối với Diện tích đất ở 441m² tọa lạc tại Hẻm 16, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu: Tại cấp phúc thẩm, các đương sự đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và lý lẽ gì mới. Cấp sơ thẩm đã nhận định đầy đủ, chính xác. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3.2]. Đối với phần đất 3.563,8 m² tọa lạc Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu: ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ xác định diện tích, giá chuyển nhượng. Đất tranh chấp là đất vườn và trồng lúa, vào thời điểm ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông D là người trực tiếp canh tác, sử dụng đất không ai tranh chấp, ông T đã bỏ đi khỏi địa Ph từ năm 1986, ông T không trực tiếp quản lý sử dụng diện tích đất này vào thời điểm ông D được cấp giấy chứng nhận, ông T cho rằng có giao lại cho bà Ph nhưng không có thủ tục ủy quyền hợp pháp, không có chứng cứ chứng minh đã mua đất và đã ủy quyền giao đất hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Luật Đất đai năm 1987, khoản 3 Điều 26 Luật Đất đai năm 1993 thì Nhà nước sẽ thu hồi đất nếu người sử dụng đất không sử dụng đất quá 6 tháng hoặc 12 tháng mà không được Nhà nước cho phép. Theo quy định tại khoản 11 Điều 38 Luật Đất đai 2003 và điểm h khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai 2013 thì một số trường hợp sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai sẽ bị Nhà nước thu hồi đất như: “Đất trồng cây hàng năm không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục, đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; Đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn

24 tháng liên tục;...”. như vậy cho dù trước đó, ông T có sử dụng nhưng đã đi định cư ở nước ngoài không sử dụng đất nhiều năm nên đất nông nghiệp này thuộc diện bị Nhà nước thu hồi; vợ chồng ông D trực tiếp sử dụng, hàng năm kê khai, nộp thuế cho Nhà nước và đã được Nhà nước công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 nên có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Như vậy, ngay cả trong trường hợp chứng minh được ông T là người nhận chuyển nhượng, thì cũng cần áp dụng Án lệ số 35/2020/AL1 Về người Việt Nam trước khi đi định cư ở nước ngoài giao lại đất nông nghiệp cho người ở trong nước sử dụng Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 05 tháng 02 năm 2020 và được công bố theo Quyết định số 50/QĐ-CA ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3]. Đối với căn nhà gắn liền với đất diện tích 399,10m² đất, thuộc thửa số 75, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại số 262, Quốc lộ 1A, Khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu: Như cấp sơ thẩm đã nhận định có cơ sở xác định ông T mới là người trực tiếp thanh toán tiền cho ông Báu, bà Phiến và số tiền thanh toán là 7.000 USD. Do đó, lời khai của ông T và bà Ph về việc ông D chỉ là người đứng tên đất dùm là có cơ sở. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông T, xác định ông D là người có công sức trong việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị đất buộc ông D là người được tiếp tục quản lý, sử dụng đất sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho ông T ½ giá trị tăng lên của đất. Cụ thể buộc ông D phải hoàn trả cho ông T 1.081.046.500 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định ông T có bỏ chi phí xây sửa căn nhà. Do không xác định được chi phí các bên bỏ ra bao nhiêu. Cần xác định ông T và ông D đều có công sức ngang nhau, chia đôi giá trị căn nhà như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Theo Biên bản định giá tài sản tranh chấp ngày 22/8/2018 (BL 114-117) 5.000.000 đồng/m², Tổng giá trị căn nhà là 468.253.000 đồng. Vì vậy cần tuyên buộc ông D trả thêm 234.126.500 đồng.

Vì vậy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Dương Thành T, một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Bạc Liêu, không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Hùng D, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí: do sửa án sơ thẩm, ông Dương Thành T không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Dương Hùng D là người cao tuổi được toàn bộ án phí sơ, phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Dương Thành T, một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, không chấp nhận kháng cáo ông Dương Hùng D, sửa bản án sơ thẩm, tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi ông Dương Hùng D số tiền 90.000.000 đồng giá trị chuyển nhượng 441 m² đất tọa lạc tại Hẻm 16, khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi ông Dương Hùng D diện tích đất 3.563,8m² (bao gồm 2.365,2m² thuộc thửa 191, tờ bản đồ số 04 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Hùng D ngày 26/12/2017, 117,3m² đất nhà mồ và 1.081,3m² đất chưa cấp giấy chứng nhận), đất tọa lạc tại khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi ông Dương Hùng D diện tích đất 399,10m² tại thửa 75, tờ bản đồ 23, tọa lạc tại nhà số 262, Quốc lộ 1A, khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu: Buộc ông Dương Hùng D có trách nhiệm trả cho ông Dương Thành T số tiền 1315.173.000 đồng.

Ông Dương Hùng D được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 399,10m² tại thửa 75, tờ bản đồ 23, đã được UBND thị xã Giá Rai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Hùng D ngày 25/01/2018.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi ông Dương Hùng D căn nhà tại số 262, Quốc lộ 1A, khóm 5, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thành T đòi hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 716145 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp cho ông Dương Hùng D ngày 26/12/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 210860 do Ủy ban nhân dân thị xã Giá Rai cấp cho ông Dương Hùng D ngày 25/01/2018.

6. Chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Ông Dương Hùng D phải chịu toàn bộ chi phí. Ông D đã nộp xong và đã chi hết tổng số tiền 1.539.395 đồng không được hoàn lại.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 1.550.000 đồng: Ông T đã nộp xong và chi hết 1.550.000 đồng nên buộc ông D phải nộp 775.000 đồng để hoàn trả cho ông T.

8. Về án phí: Ông Dương Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009654 ngày

07/5/2018 (do ông Tạ Chiến Đ nộp thay) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

9. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Dương Thành T không phải chịu án phí, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0010228 ngày 02/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu. Ông Dương Hùng D được miễn án phí, được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0010238 ngày 09/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

10. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tài khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

11. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Y

Phạm Trí T

Phan Tô Ng

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự (8);
- Lưu (VP 07, HS 01) (DTTP 21)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Tô Ng